

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS – ST  
Ngày 03 - 7 - 2020  
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đường Ngọc Đại

2. Bà Doãn Thị Vệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST – DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng C

Địa chỉ: Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn V – Chức vụ: Phó giám đốc ngân hàng C – chi nhánh Phúc Yên.

**- Ông Lê Hoài P – Phó phòng tổng hợp ngân hàng C – chi nhánh Phúc Yên, (có mặt).**

Địa chỉ: Phường T, thành phố Y, tỉnh V Phúc.

(Theo văn bản ủy quyền số: 224/UQ – HĐQT – NHCT18 ngày 19/3/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng C).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Chị Nguyễn Huyền T1, sinh năm 1986, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

3.2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Chị Nguyễn Chiến T2, sinh năm 1991, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú đều ở: Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Q – Bộ Công An.

Địa chỉ: Xã A, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2019 và các lời khai tiếp theo ông Lê Hoài P là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/12/2015 Ngân hàng C - Chi nhánh Phúc Yên (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị B có ký hợp đồng tín dụng số 109/2015-HĐTD/NHCT260, số tiền cho vay 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng); mục đích: Mua sắm trang thiết bị gia đình và sửa chữa nhà. Tính đến hết ngày 15/08/2019, số tiền gốc bà B đã trả là: 44.022.707 đồng; số tiền lãi bà B đã trả là: 29.909.770 đồng.

Dư nợ đến hết ngày 15/08/2019 là: Số tiền nợ gốc: 305.977.293 đồng; Số tiền nợ lãi: 96.978.619 đồng; Lãi quá hạn: 32.626.181 đồng; Tổng cộng cả gốc và lãi bà B còn nợ là: 435.582.093 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn, không trăm chín mươi ba đồng).

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 180 m<sup>2</sup> (đất ở 100 m<sup>2</sup> + đất vườn 80 m<sup>2</sup>) và tài sản gắn liền với đất là nhà xây 6 tầng diện tích xây dựng 1.200m<sup>2</sup>; Địa chỉ: Thửa đất số 18<sup>-1</sup>, tờ bản đồ 26 tại Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc, thuộc sở hữu hộ bà Nguyễn Thị B.

Tại hợp đồng tín dụng số: 109/2015-HĐTD/NHCT260 ngày 03/12/2015 chỉ một mình bà B ký nhưng mục đích vay: Mua sắm trang thiết bị gia đình và sửa chữa nhà. Do vậy, cần xác định đây là khoản vay chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ.

Lý do khởi kiện: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 109/2015 – HĐTD/NHCT260 ngày 03/12/2015, bà B, ông Đ đã vi phạm điều khoản trả nợ gốc, lãi không thanh toán trả nợ đúng hạn, do đó toàn bộ nợ gốc và lãi của bà B, ông Đ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/04/2016. Mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở, lập biên bản làm việc nhiều lần nhưng bà B, ông Đ không thực hiện

được đúng cam kết, vi phạm hợp đồng tín dụng.

Từ những lý do trên, để đảm bảo việc thu hồi vốn cho Ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên giải quyết: Yêu cầu bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền nợ gốc, lãi và lãi quá hạn cho Ngân hàng C – Chi nhánh Phúc Yên. Số tiền phải trả tính đến hết ngày 15/08/2019 là: 435.582.093 đồng. Trong đó: dư nợ gốc là: 305.977.293 đồng, nợ lãi là 96.978.619 đồng, lãi quá hạn là 32.626.181 đồng và lãi phát sinh từ ngày 16/08/2019 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số: 109/2015-HĐTD/NHCT260 ngày 03/12/2015 giữa bà B và Ngân hàng.

Trường hợp bà B, ông Đ không trả được nợ, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản thế chấp. Trường hợp sau khi bán hết tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ cho ngân hàng mà vẫn không thu đủ không đủ nợ gốc, lãi cho Ngân hàng C – Chi nhánh Phúc Yên, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền thu từ các nguồn khác hoặc kê biên phát mại các tài sản khác của bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ để trả nợ đầy đủ gốc, lãi và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án bà trình bày:*

Bà thừa nhận vào ngày 03/12/2015 bà có ký Hợp đồng tín dụng số: 109/2015-HĐTD/NHCT260 để vay số tiền gốc là 350.000.000 đồng; Mục đích: Mua sắm trang thiết bị gia đình và sửa chữa nhà. Quá trình vay tính đến hết ngày 15/08/2019, số tiền gốc bà đã trả là: 44.022.707 đồng; số tiền lãi là: 29.909.770 đồng.

Tại Hợp đồng tín dụng ngày 03/12/2015 do một mình bà ký nhưng bà xác nhận đây là khoản vay chung của vợ chồng bà. Sau khi vay khoản tiền trên vợ chồng bà sử dụng vào mục đích mua sắm trang thiết bị và sửa chữa nhà chung của gia đình.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng bà có thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 180 m<sup>2</sup> (đất ở 100 m<sup>2</sup> + đất vườn 80 m<sup>2</sup>) và tài sản gắn liền với đất là nhà xây 6 tầng diện tích xây dựng 1.200m<sup>2</sup>; Địa chỉ: Thửa đất số 18<sup>-1</sup>, tờ bản đồ 26 tại Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Nguyễn Thị B do Ủy ban nhân dân thị xã Y (nay là thành phố Y), tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 27/12/2005). Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 58/2019/HĐTC-25 ngày 22/05/2009 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 30/11/2015. Về nguồn gốc thửa đất trên là của vợ chồng bà mua của ông Q, bà T3 từ năm 2003.

Với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng bà đồng ý. Bà thừa nhận tính đến hết ngày 15/8/2019 vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi là 435.582.093

đồng, trong đó nợ gốc là 305.799.293 đồng và nợ lãi trong hạn là 96.978.619 đồng; lãi quá hạn là 32.626.181 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/8/2019 đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa bà với ngân hàng. Tuy nhiên do gia đình bà gặp nhiều biến cố từ năm 2016 đến nay nên việc làm ăn kinh tế quá khó khăn. Bà xin khẩn nợ trả dần trong thời hạn 03 năm sẽ trả đủ tiền gốc cho Ngân hàng. Còn khoản tiền lãi bà đề nghị Ngân hàng xem xét đến hoàn cảnh của gia đình bà và miễn toàn bộ lãi cho vợ chồng bà.

***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

+ Ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án ông trình bày:

Ông thừa nhận vào ngày 03/12/2015 vợ chồng ông có vay của Ngân hàng C tổng số tiền gốc là 350.000.000 đồng. Vợ ông là Nguyễn Thị B có thay mặt ông ký hợp đồng tín dụng số: 109/2015-HĐTD/NHCT260 ngày 03/12/2015. Ông khẳng định đây là khoản vay chung của vợ chồng, khi bà B vay ông có được biết và có sử dụng số tiền trên vào mục đích chung của gia đình. Quá trình vay vợ chồng ông đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 44.022.707 đồng, số tiền lãi là 29.909.770 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên gia đình ông đã thế chấp cho Ngân hàng 01 quyền sử dụng đất có diện tích 180m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền trên đất là ngôi nhà 06 tầng tổng diện tích xây dựng khoảng 1.200m<sup>2</sup> tại thửa đất số 18<sup>-1</sup>, tờ bản đồ số 26, thuộc Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Nguyễn Thị B do Ủy ban nhân dân thị xã Y (nay là thành phố Y), tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 27/12/2005). Theo hợp đồng thế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 58/2009/HĐTC – 25 ngày 22/5/2009 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 30/11/2015. Nguồn gốc thửa đất trên là của vợ chồng ông mua của ông Q, bà T3 từ năm 2003.

Với yêu cầu khởi kiện trên của Ngân hàng ông hoàn toàn đồng ý, tuy nhiên do hiện nay ông đang phải chấp hành án tại trại giam Q đến cuối năm 2021 mới được mãn hạn tù. Hiện tại chỉ có một mình bà B ở nhà nên việc làm ăn kinh tế rất khó khăn, ông mong Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng ông khẩn nợ trong thời hạn 03 năm sẽ trả đủ. Nếu quá thời hạn trên mà vợ chồng ông không trả được nợ ông đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp của gia đình ông.

Hiện tại do ông đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam Q không thể về Tòa án làm việc được, ông đề nghị Tòa án nhân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc cho ông vắng mặt tại các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử vắng mặt ông.

+ *Chị Nguyễn Thu T1 và anh Nguyễn Chiến T2 vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án anh chị trình bày:*

Anh chị là con của bà B, ông Đ. Anh chị được biết vào ngày 03/12/2015 bố mẹ anh chị có vay của Ngân hàng C – Chi nhánh Phúc Yên tổng số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích vay để mua sắm trang thiết bị gia đình và sửa chữa nhà.

Để đảm bảo cho khoản vay trên gia đình anh chị có thể chấp 01 quyền sử dụng đất diện tích 180 m<sup>2</sup> (đất ở 100 m<sup>2</sup> + đất vườn 80 m<sup>2</sup>). Tài sản gắn liền với đất là nhà xây 6 tầng diện tích xây dựng 1.200 m<sup>2</sup>; Địa chỉ: Thửa đất số 18<sup>-1</sup>, tờ bản đồ 26 tại Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Nguyễn Thị B do Ủy ban nhân dân thị xã Y (nay là thành phố Y), tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 27/12/2005. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 58/2019/HĐTC-25 ngày 22/05/2009. Anh chị khẳng định toàn bộ thửa đất trên cũng như tài sản trên đất là do bố mẹ mua và tạo dựng lên. Thời điểm bố mẹ mua đất vào năm 2003 và làm nhà, anh chị vẫn còn nhỏ, còn đi học nên không có công sức đóng góp để tạo dựng lên khối tài sản đó.

Nay Ngân hàng khởi kiện, bố mẹ anh chị có trách nhiệm phải trả nợ. Tuy nhiên do gia đình anh chị gặp nhiều khó khăn về kinh tế từ năm 2016 đến nay. Anh chị đề nghị Ngân hàng cho bố mẹ anh chị khất nợ trả dần trong thời hạn 03 năm.

Trường hợp sau 03 năm bố mẹ anh chị không trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ, anh chị đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Phía chị T1 do điều kiện công việc của chị không thể thường xuyên có mặt theo giấy báo của Tòa án được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Phía anh T2 hiện tại đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam Quyết Tiến – Bộ công an nên không thể về Tòa án làm việc được, anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên cho anh vắng mặt tại các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu xin trả dần theo quan điểm của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà B, ông Đ phải trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền gốc và lãi còn nợ tính đến hết ngày 02/7/2020 là: 477.301.931 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị

xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Chiến T2 và chị Nguyễn Huyền T1. Tuy nhiên bà B, ông Đ, anh T2 và chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng C – Chi nhánh Phúc Yên là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, được thực hiện các hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng...theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 03/12/2015, giữa VietinBank và bà Nguyễn Thị B đã ký Hợp đồng tín dụng số: 109/2015-HĐTD/NHCT260 về việc VietinBank cho vợ chồng bà B, ông Đ vay số tiền là 350.000.000 đồng. Do bà B, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà B, ông Đ phải trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 03/12/2015. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng từ năm 2015. Do bà B, ông Đ vi phạm thỏa thuận trả nợ, đến ngày 15/8/2019 Ngân hàng làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngày 03/12/2015 bà Nguyễn Thị B có ký hợp đồng tín dụng số: 109/2015-HĐTD/NHCT260 với Ngân hàng để vay số tiền 350.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua sắm trang thiết bị gia đình và sửa chữa nhà. Trong hợp đồng tín dụng chỉ một mình bà B ký, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cả bà B và ông Đ đều thừa nhận dùng khoản tiền vay trên vào mục đích chung của gia đình. Do vậy, cần xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà B, ông Đ. Từ ngày vay đến hết ngày 15/8/2019 vợ chồng bà B, ông Đ đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là: 44.022.707 đồng; số tiền lãi là: 29.909.770 đồng.

Về tài sản thế chấp: Các đương sự đều thống nhất để đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng số: 109/2015/HĐTC/NHCT260 ngày 03/12/2015; gia đình có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất diện tích 180m<sup>2</sup> (đất ở 100 m<sup>2</sup> + đất vườn 80 m<sup>2</sup>) và tài sản gắn liền với đất là nhà xây 6 tầng diện tích xây dựng 1.200 m<sup>2</sup>; Địa chỉ: Thửa đất số 18<sup>-1</sup>, tờ bản đồ 26 tại Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Nguyễn Thị B (Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AB736314 do Ủy ban nhân dân thị xã Y (nay là thành phố Y), tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 27/12/2005. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 58/2019/HĐTC-25 ngày 22/05/2009. Về nguồn gốc thửa đất là do bà B, ông Đ nhận chuyển nhượng từ năm 2003. Qua đo đạc thực tế diện tích là 180m<sup>2</sup>, bằng với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được xác định theo mốc giới: A, B, C, D, A cụ thể: Cạnh A – B = 18m (giáp nhà ông Quang); B – C = 10m (giáp đường ngõ); Cạnh C – D = 18m (giáp đất bà B); Cạnh D – A = 10m (giáp đất bà Thực) và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 nhà 06 tầng, tổng diện tích xây dựng là 1.200m<sup>2</sup>.

Quá trình giải quyết vụ án bà B, ông Đ đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, do gia đình gặp nhiều biến cố từ năm 2016 đến nay nên việc làm ăn kinh tế quá khó khăn. Bà B và ông Đ xin khất nợ trả dần trong thời hạn 03 năm sẽ trả đủ tiền gốc cho Ngân hàng. Còn khoản tiền lãi ông bà đề nghị Ngân hàng xem xét đến hoàn cảnh của gia đình ông bà và miễn toàn bộ lãi cho ông bà nhưng Ngân hàng không đồng ý. Do vợ chồng bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà B phải thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 02/7/2020 là 477.301.931 đồng trong đó: Số tiền gốc là 302.977.293 đồng; tiền lãi trong hạn 126.791.885 đồng và lãi quá hạn là 47.532.753 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 03/7/2020 cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng số: 109/2015-HĐTD/NHCT260 ngày 03/12/2015 giữa bà B và Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Việc bà B, ông Đ xin khất nợ trả dần nhưng VietinBank không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà B, ông Đ

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên về giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng khác: Toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định nguyên đơn tự nguyện chịu với số tiền là 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng) và đã chi phí xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu tương ứng với số tiền phải trả là:  $477.301.931 \text{ đồng} \times (20.000.000 \text{ đồng} + 77.301.931 \text{ đồng} \times 4\%) = 23.092.000 \text{ đồng}$ . Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C – chi nhánh Phúc Yên được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 463, 466, 468, 470 và 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C – Chi nhánh Phúc Yên tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 02/7/2020 là 477.301.931 đồng (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm linh một nghìn, chín trăm ba một đồng), trong đó tiền gốc là 302.977.293 đồng (Ba trăm linh hai triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm chín mươi ba đồng); tiền lãi trong hạn là 126.791.885 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm chín một nghìn, tám trăm tám mươi lăm đồng); tiền lãi quá hạn là 47.532.753 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm ba hai nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/7/2020 đến khi bà B, ông Đ trả hết nợ cho Ngân hàng C – Chi nhánh Phúc Yên theo hợp đồng tín dụng số: 109/2015-HĐTD/NHCT260 ký ngày 03/12/2015 giữa Ngân hàng C – Chi nhánh Phúc Yên với bà Nguyễn Thị B.

Nếu bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của hộ bà Nguyễn Thị B đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 58/2019/HĐTC-25 ngày 22/05/2009 cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 180 m<sup>2</sup> (đất ở 100 m<sup>2</sup> + đất vườn 80 m<sup>2</sup>) và tài sản gắn liền với đất là nhà xây 6 tầng diện tích xây dựng 1.200 m<sup>2</sup>; Địa chỉ: Thửa đất số 18<sup>-1</sup>, tờ bản đồ 26 tại Phường X, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Nguyễn Thị B do Ủy ban nhân dân thị xã Y (nay là thành phố Y), tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 27/12/2005. Qua đo đạc thực tế diện tích là 180m<sup>2</sup>, bằng với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử



dụng đất, được xác định theo mốc giới: A, B, C, D, A cụ thể: Cạnh A – B = 18m (giáp nhà ông Quang); B – C = 10m (giáp đường ngõ); Cạnh C – D = 18m (giáp đất bà B); Cạnh D – A = 10m (giáp đất bà Thực) và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 nhà 06 tầng, tổng diện tích xây dựng 1.200m<sup>2</sup> (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo nhưng chưa đủ để trả nợ và thanh toán các chi phí khác thì bà B và ông Đ phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: 109/2015-HĐTD/NHCT260 ký ngày 03/12/2015 cùng tiền lãi trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng khác: Toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định nguyên đơn tự nguyện chịu với số tiền là 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng) và đã chi phí xong nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 23.092.000 đồng (Hai mươi ba triệu, không trăm chín mươi hai nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng C – Chi nhánh Phúc Yên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.700.000 đồng (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004040 ngày 03/01/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ này nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Trang Nhung**